

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **395/2023/DS-PT**

Ngày: 07/9/2023

V/v “*Tranh chấp quyền về
lối đi qua BĐS liền kề*”.

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Bình**.

Các Thẩm phán: 1/- Ông **Trương Hoài Bình**

2/- Bà **Phan Thị Hồng Dung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Huỳnh Thái Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên
tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/TLPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023 về “*Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2023/DSST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 394/2023/QĐ-PT ngày 25/7/2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

*Bị đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: ông **Nguyễn Thái H**, sinh năm 1967.
(có mặt)

Địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện V (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Lê Thị Ý**, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, TP .

Đại diện theo ủy quyền cho bà Ý: ông **Nguyễn Thái H**.

3. Bà **Phạm Thị T1**, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

*Người kháng cáo: Bị đơn – ông **Lê Văn T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lê Văn C trình bày và yêu cầu như sau:

Theo bản án số 133/2020/DS-PT ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thì ông được chia diện tích $1.309,9\text{m}^2$ thuộc thửa đất 16+186, loại đất 2L, tờ bản đồ số 04 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00734 cấp ngày 23/8/2011 cho bà Lê Thị P, đã được chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V, thành phố Cần Thơ xác nhận chỉnh lý để thừa kế cho ông Lê Văn T ngày 01/06/2017. Ông Lê Văn T được chia thừa kế là $15.359,05\text{m}^2$ thuộc thửa đất 16+186 nêu trên và bản án cũng có tuyên lỗi đi chung chiều ngang 3,06m, chiều dài cạnh thứ nhất 28,07m, chiều dài cạnh thứ hai 28,28m² nhưng khi thi hành án xuống cắm ranh thì ông T đã tiến hành rào lưới B40 lại trước cửa nhà ông C dẫn đến việc ông không có lối đi để đi ra lối đi chung như bản án đã tuyên. Tính đến thời điểm hiện tại ông vẫn chưa làm thủ tục cấp giấy đất vì toàn bộ thửa đất bị vây bọc bởi đất của ông T nên không có lối đi để ra lối đi chung.

Nay ông khởi kiện yêu cầu mở lối đi chung diện tích qua đo đạc thực tế chiều ngang 3,06m, chiều dài 5m = $15,3\text{m}^2$ ký hiệu 16¹ tại thửa 16 + 186, loại đất 2L nêu trên vì đây là vị trí thuận tiện nhất để đi ra lối đi chung vì nằm ngay cổng cửa rào nhà ông và từ trước năm 1975 cho đến nay vị trí cũng được sử dụng làm lối đi chung. Việc ông T yêu cầu ông liên hệ hộ tứ cận phía trước thửa đất để mua đất mà đi ra lối đi chung là không có lý vì hộ tứ cận đã cất nhà ổn định, không có nhu cầu muốn bán đất cho ông và ông cũng không có điều kiện để mua. Ông đồng ý đền bù giá trị đất cho ông T theo giá thị trường để mở lối đi chung trên đất ông T.

Bị đơn ông Lê Văn T trình bày: Ông không đồng ý yêu cầu của ông C về việc mở lối đi chung ngang 3,06m, dài 5m tại thửa đất 16+186 nêu trên. Phần đất tranh chấp bản án số 133/2020/DS-PT ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên như thế nào thì thực hiện như vậy và đã được thi hành án xuống cắm ranh mốc nên ông đã tiến hành rào lưới B40 lại để đảm bảo an ninh. Ông C muốn mở lối đi thì liên hệ với hộ tứ cận khác mà mua đất để đi, còn đất của ông thì ông không đồng ý nhận đền bù giá trị đất để mở lối đi chung, vị trí tranh chấp này thì từ trước đến nay ông cũng cho ông C sử dụng làm lối đi chung nhưng giờ anh em đã mâu thuẫn nên không muốn cho ông C đi nhờ đất nữa. Đối với biên bản thẩm định và định giá tài sản thì ông thống nhất, không ý kiến gì, hiện giấy đất hiện ông đang giữ và không có thể chấp cho tổ chức tín dụng nào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị T1 trình bày: Bà là vợ của ông Lê Văn C, thống nhất với yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày của ông C tại Tòa án, không ý kiến gì thêm. Do bận việc bà yêu cầu giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Bà Lê Thị Ý trình bày: Bà là vợ của ông Lê Văn T, thống nhất với lời trình bày của ông T tại Tòa án, không ý kiến gì thêm.

Đại diện ủy ban nhân dân huyện V ông Lê Minh K trình bày: Theo bản án số 133/2020/DS-PT ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ về xét xử phúc thẩm đã giải quyết phân chia di sản thừa kế và bản án hiện đã có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào Bảng xác nhận hồ sơ địa chính số 83/XN.CN.VPĐKĐĐ, ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V, qua kiểm tra hồ sơ trích lục thì nhận thấy các đương sự chưa thực hiện việc lập thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án số 133/2020/DS-PT ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận mở lối đi chung sẽ là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh đưa ra xét xử; tại Bản án sơ thẩm số: 26/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn C đối với bị đơn ông Lê Văn T về việc tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề.

1. Buộc bị đơn ông Lê Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ý phải tháo dỡ di dời toàn bộ hàng rào lưới B40 có chiều dài 5m, chiều cao 1,5m để mở lối đi chung cho gia đình ông Lê Văn C có diện tích là 15,3m² được ký hiệu thửa 16¹ (trong đó, hai cạnh chiều dài 5m, hai cạnh chiều ngang là 3.06m) thuộc thửa đất số 16 + 186, loại đất 2L, tờ bản đồ số 04, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00734 cấp ngày 23/8/2011 cho bà Lê Thị P, đã được chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V, thành phố Cần Thơ xác nhận chỉnh lý để thừa kế cho ông Lê Văn T ngày 01/06/2017, thuộc quyền sử dụng chung hợp pháp của ông Lê Văn C và ông Lê Văn T.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn C và ông Lê Văn T đối với thửa đất số 16+186 thì phải cập nhật phần lối đi chung theo bản án đã nêu trên.

(Vị trí, kích thước, diện tích phần đất phải thi hành mở lối đi chung và thực hiện tháo dỡ di dời tài sản được căn cứ vào Bản trích đo địa chính số 60/TTKTTNMT ngày 03/02/2023 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C thể hiện vị trí tranh chấp được ký hiệu thửa 16¹. Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản cùng ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ).

2. Ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ đền bù giá trị đất cho ông Lê Văn T 2.005.000 đồng (Hai triệu không trăm lẻ năm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả thì phải chịu lãi suất chậm trả, tính trên số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, các chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05/7/2023 bị đơn kháng cáo yêu cầu phúc thẩm theo hướng sửa án sơ thẩm, thẩm định lại lối đi tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có kháng cáo xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm chứng cứ mới nhưng đề nghị nâng tiền hỗ trợ đất là 50.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Việc bị đơn kháng cáo không đồng ý mở lối đi cho ông C, nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình do đó, kháng cáo của ông Lê Văn T là không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho bị đơn tiền đất và lưới B40 là 5.000.000 đồng nên đề nghị ghi nhận. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa một phần bản án sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 30/05/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh thành phố Cần Thơ, theo hướng bác kháng cáo của bị đơn Lê Văn T.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1.1] Nguyên đơn Lê Văn C khởi kiện yêu cầu bị đơn Lê Văn T tháo dỡ hàng rào để nguyên đơn có lối đi từ đất của nguyên đơn ra lối đi công cộng. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề” là có căn cứ theo Điều 26,35 BLTTDS.

[1.2] Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định, có nộp tạm ứng án phí kháng cáo nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ về mặt hình thức.

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn:

Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất: Theo các đương sự trình bày thì ông Lê Văn C và ông Lê Văn T là anh em ruột, phần đất tại thửa 16+186 là tài sản của cha mẹ để lại được chia thừa kế theo bản án số 133/2020/DS-PT ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã có hiệu lực pháp luật thì ông C được chia diện tích 1.309,9m². Ông Lê Văn T được chia thừa kế là 15.359,05m² và bản án cũng có tuyên về quyền lối đi chung cho ông C và ông T có chiều ngang 3,06m, chiều dài cạnh thứ nhất 28,07m, chiều dài cạnh thứ hai 28,28m², lối đi chung theo bản án đã có từ trước năm 1975 thể hiện trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất năm 1989, khi cha mẹ các ông còn sống cũng sử dụng lối đi chung này. Tuy nhiên, quá trình sử dụng đến năm 2022 thì hành án xuống thực hiện cắm ranh theo bản án chia thừa kế thì ông T đã tiến hành rào lưới B40 lại phía trước cửa cổng nhà ông C, gây khó khăn cho ông C không còn lối đi nào khác để ra lối đi chung. Nguyên đơn muốn thực hiện quyền đi lại trên lối đi chung hiện hữu thì bắt buộc phải đi qua thửa đất liền kề là của bị đơn mới ra đi ra được lối đi chung để ra lộ giao thông nông thôn vì ông C không còn lối đi nào khác ra lối đi chung và đang phải đi nhờ qua đất của hộ tứ cận mặt trước thửa đất để ra lối đi chung.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa sơ thẩm đã tiến hành đo đạc, thẩm định phần đất mà nguyên đơn yêu cầu mở lối đi chung như sau: Vị trí yêu cầu mở lối đi

chung có diện tích 15,3m² (chiều dài 5m, chiều ngang 3,06m) loại đất 2L nằm ngay trước cửa cổng nhà của ông C, hình thể là một đường thẳng nằm liền kề với lối đi chung thuộc đất của ông T. Về tài sản trên đất: chỉ có hàng rào lưới B40 dài 5m x cao 1,5m của ông T, ngoài ra không có công trình, vật kiến trúc nào trên đất.

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện vị trí yêu cầu mở lối đi chung thì thực tế từ trước năm 1975 khi cha mẹ các ông còn sống cũng sử dụng làm lối đi chung cho đến nay. Hiện tại ông T đã kéo rào ngang trước cổng nhà ông C nên toàn bộ bất động sản của ông C bị các bất động sản của ông T vây bọc hết, không còn đường đi lại để ra lối đi chung và ngoài lối đi đang yêu cầu thì ông C cũng không còn lối đi nào khác. Cấp sơ thẩm nhận định và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn mở lối đi qua bất động sản liền kề là có căn cứ.

Bị đơn kháng cáo không đồng ý mở lối đi chung cho nguyên đơn vì cho rằng phần đất này thuộc quyền sử dụng của bị đơn và ông đã bỏ công sức, chi phí san lấp là 100.000.000đồng từ năm 2014, 2015 nên không đồng ý với số tiền đền bù giá trị đất là 2.005.000đồng mà án sơ thẩm đã tuyên. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện bị đơn mới đặt ra số tiền chi phí bồi đắp lối đi chung nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc yêu cầu nguyên đơn đền bù là 50.000.000đồng (mỗi bên chịu ½ chi phí san lấp). Ngoài ra, thời điểm năm 2014, 2015 bị đơn cho rằng phần đất này của bị đơn là không đúng, bởi lẽ thời điểm đó đất tranh chấp vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của mẹ các đương sự là bà Lê Thị P. Đến năm 2020 khi các đương sự mới có yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế. Theo quyết định của bản án số 133/2020/DS-PT ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã có hiệu lực pháp luật thì bị đơn mới có quyền xác lập kê khai đăng ký quyền sử dụng phần đất được chia. Điều này cho thấy ở thời điểm 2014, 2015 bị đơn chưa được công nhận quyền sử dụng đất phần đất tranh chấp. Cho đến thời điểm hiện tại, các đương sự vẫn chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bị đơn cho rằng quyền sử dụng đất là của mình, không đồng ý việc mở lối đi chung cho nguyên đơn là trái với quy định tại khoản 1 Điều 254 BLDS về quyền lối đi qua bất động sản liền kề.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn không có ý kiến hay khiếu nại gì về giá trị phần đất làm lối đi chung, chỉ nại ra số tiền 100.000.000đồng chi phí san lấp tại cấp phúc thẩm nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ 5.000.000đồng đền bù giá trị đất cho bị đơn là cao hơn giá trị mà án sơ thẩm đã tuyên là đã có lợi cho bị đơn. Xét sự tự nguyện này của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

Như đã phân tích thì các bên đều thừa nhận lối đi này cả nguyên đơn và bị đơn đều sử dụng chung từ lúc cha mẹ các đương sự còn sống. Mặt khác, bản án số 133/2020/DS-PT ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ cũng đã tuyên lối đi chung ở vị trí này nên bị đơn kháng cáo không đồng ý mở lối đi cho nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ để chấp nhận. Ý kiến của đại diện VKS tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm, do sửa án nên bị đơn không phải chịu.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo số tiền đền bù cho ông T.

Về chi phí thẩm định: giữ nguyên như quyết định án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: - Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Lê Văn T.

Ghi nhận việc nguyên đơn Lê Văn C tăng mức bồi hoàn giá trị đất là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn C đối với bị đơn ông Lê Văn T về việc tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề.

1. Buộc bị đơn ông Lê Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ý phải tháo dỡ di dời toàn bộ hàng rào lưới B40 có chiều dài 5m, chiều cao 1,5m để mở lối đi chung cho gia đình ông Lê Văn C có diện tích đất là 15,3m² được ký hiệu thửa 16¹(trong đó, hai cạnh chiều dài 5m, hai cạnh chiều ngang là 3.06m) thuộc thửa đất số 16 +186, loại đất 2L, tờ bản đồ số 04, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00734 cấp ngày 23/8/2011 cho bà Lê Thị P, đã được chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V, thành phố Cần Thơ xác nhận chỉnh lý để thừa kế cho ông Lê Văn T ngày 01/06/2017, thuộc quyền sử dụng chung hợp pháp của ông Lê Văn C và ông Lê Văn T.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn C và ông Lê Văn T đối với thửa đất số 16+186 thì phải cập nhật phần lối đi chung cho các đương sự theo bản án này.

(Vị trí, kích thước, diện tích phần đất phải thi hành mở lối đi chung và thực hiện tháo dỡ di dời tài sản được căn cứ vào Bản trích đo địa chính số 60/TTKTTNMT ngày 03/02/2023 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C thể hiện vị trí tranh chấp được ký hiệu thửa 16¹. Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản cùng ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ).

2. Ghi nhận việc ông Lê Văn C tự nguyện đền bù giá trị đất cho ông Lê Văn T 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả thì phải chịu lãi suất chậm trả, tính trên số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí thẩm định: Ông Lê Văn C tự nguyện chịu 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*). Công nhận ông Lê Văn C đã nộp và chi xong.

4. Về án phí

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn T không phải chịu. Hoàn trả cho ông T 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0006841 ngày 09/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Ông Lê Văn C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006267 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Công nhận ông Lê Văn C đã nộp và chi xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TPCT;
- TAND H. Vĩnh Thạnh;
- Chi Cục THADS H.Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THAM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Bình